

NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THƯƠNG MẠI HÓA TÀI SẢN TRÍ TUỆ TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC

BÀNH QUỐC TUẤN*

NGUYỄN THỊ THÁI HÀ*

Ngày nhận bài: 08/01/2021

Ngày phản biện: 18/01/2021

Ngày đăng bài: 30/06/2021

Tóm tắt:

Với đội ngũ nhân lực dồi dào được đào tạo chuyên môn sâu, các trường đại học được xem là nơi khởi nguồn sáng tạo ra tri thức mới và công nghệ tiên phong của một quốc gia. Vấn đề quản trị tài sản trí tuệ đã được quan tâm từ rất lâu tại các trường đại học lớn trên thế giới. Tuy nhiên, năng lực quản trị tài sản trí tuệ của rất nhiều trường đại học tại Việt Nam vẫn còn tương đối hạn chế. Điều này làm ảnh hưởng lớn đến việc thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, đồng thời gây bất lợi đối với hoạt động tái đầu tư cho nghiên cứu khoa học tại các trường đại học. Bài viết nghiên cứu các nhân tố quyết định ảnh hưởng đến sự thành công trong thương mại hóa tài sản trí tuệ nhằm tìm ra các giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động này cho các trường đại học.

Từ khóa:

Tài sản trí tuệ, nghiên cứu khoa học, thương mại hóa, trường đại học.

Abstract:

Universities are considered as the sources of new knowledge and pioneering technologies based on highly trained researchers. Intellectual property management has been concerned about for a long time in prestigious universities around the world. Nevertheless, the intellectual property management capacity of most universities in Vietnam still remains limited. This issue could have adverse impacts on the commercialization of the scientific research results and at the same time the reinvestment of scientific research in universities. The article focuses on clarifying the decisive factors that are effective in successful commercialization of intellectual property in order to find out solutions to improve this performance for universities.

Keywords:

Intellectual property, scientific research, commercialization, universities.

1. Đặt vấn đề

Cho đến nay, thuật ngữ “tài sản trí tuệ” (Intellectual Property) ngày càng trở nên quen thuộc. Tuy nhiên, thuật ngữ này vẫn chưa có định nghĩa thống nhất ở cấp độ quốc tế. Chính vì thế, tài sản trí tuệ cũng được định nghĩa không hoàn toàn giống nhau trong các hệ thống pháp

* PGS.TS., Trường Đại học Thủ Dầu 1, Bình Dương; Email: quoctuan178@yahoo.com.

* ThS., Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

luật của các quốc gia. Mặc dù vậy, Công ước Stockholm về việc thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) ngày 14/7/1967 đã ghi nhận quy định về tài sản trí tuệ, nội dung này thường được cộng đồng quốc tế chấp nhận và áp dụng. Cụ thể, “tài sản trí tuệ” được hiểu là kết quả của hoạt động trí tuệ trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật. Điều 2 Công ước này còn ghi nhận tài sản trí tuệ, hay sở hữu trí tuệ bao gồm các quyền gắn liền với các đối tượng: tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học; cuộc biểu diễn của nghệ sĩ biểu diễn, bản ghi âm và cuộc phát sóng; sáng chế trong mọi lĩnh vực của con người; phát minh khoa học; kiểu dáng công nghiệp; nhãn hiệu, tên và chỉ dẫn thương mại; bảo hộ chống cạnh tranh không lành mạnh và tất cả các quyền khác là kết quả của hoạt động trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật¹. Trong khi đó, hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện nay vẫn chưa đưa ra khái niệm tài sản trí tuệ là gì mà chỉ có quy định về quyền sở hữu trí tuệ. Theo đó, quyền sở hữu trí tuệ là “*quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng*”².

Đối với thuật ngữ “thương mại hóa tài sản trí tuệ”, cùng với những định nghĩa do các nhà nghiên cứu đưa ra, WIPO đã có định nghĩa như sau: “thương mại hóa là một quá trình tích hợp bắt đầu từ phát kiến khoa học, thông qua phát triển hoặc thử nghiệm phát kiến cơ bản vào nghiên cứu ứng dụng, cho đến khi đưa các ý tưởng trở nên khả thi về mặt thương mại để sử dụng cho xã hội”³. Bên cạnh đó, một số quan điểm về thương mại hóa tài sản trí tuệ có thể kể đến như Trường Đại học Curtin, Australia xem xét thương mại hóa tài sản trí tuệ là quan hệ đối tác giữa các nhà sáng tạo đổi mới và nhà đầu tư.

Như vậy, có thể hiểu một cách khái quát rằng “thương mại hóa tài sản trí tuệ” là quá trình tạo ra lợi nhuận từ chính việc khai thác giá trị của tài sản trí tuệ là đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ.

Phân loại tài sản trí tuệ trong trường đại học

Tài sản trí tuệ trong các trường đại học có thể được phân loại như sau:

(i) Dựa trên phân loại kết quả nghiên cứu khoa học

Theo quy định Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2018, nghiên cứu khoa học là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Theo đó, nghiên cứu khoa học bao gồm nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng⁴. Tài sản trí tuệ trong các trường đại học có thể được phân loại dựa trên việc phân loại kết quả nghiên cứu khoa học, bao gồm hai loại:

¹ Điều 2 Công ước Stockholm về việc thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới.

² Khoản 1, Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019.

³ WIPO (2006), *Basic issues in technology commercialisation: From concept to market*, http://www.wipo.int/uipc/en/documents/pdf/okongwus_ipitto_1.pdf.

⁴ Khoản 4, 5, 6, Điều 3 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.

Thứ nhất, *tài sản trí tuệ là kết quả nghiên cứu cơ bản*. Kết quả nghiên cứu cơ bản thông thường là kết quả của hoạt động nghiên cứu mà qua đó bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy được khám phá.

Thứ hai, *tài sản trí tuệ là kết quả nghiên cứu ứng dụng*. Kết quả nghiên cứu ứng dụng thông thường là kết quả của hoạt động nghiên cứu vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học. Từ đó, hoạt động này sẽ tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ và phục vụ trực tiếp lợi ích của con người và xã hội.

Thông qua bản chất của từng loại nghiên cứu khoa học, có thể nhận thấy rằng, vấn đề thương mại hóa kết quả nghiên cứu cơ bản và kết quả nghiên cứu ứng dụng là rất khác nhau. Dưới góc độ tiếp cận từ quyền sở hữu trí tuệ, một số ý kiến cho rằng, vấn đề thương mại hóa kết quả nghiên cứu cần lưu ý:

- Đối với kết quả nghiên cứu cơ bản trong mọi lĩnh vực khoa học, đây không phải là đối tượng để thương mại hóa.

- Đối với kết quả nghiên cứu ứng dụng, đây là đối tượng có thể được thương mại hóa (trừ các kết quả nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực xã hội và nhân văn)⁵.

(ii) Dựa trên phân loại các lĩnh vực khoa học và công nghệ

Bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã đề xuất 06 lĩnh vực khoa học và công nghệ như sau⁶:

- Khoa học tự nhiên.
- Kỹ thuật và công nghệ.
- Khoa học y tế và sức khỏe.
- Khoa học nông nghiệp.
- Khoa học xã hội; và
- Khoa học nhân văn.

Theo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN, nghiên cứu khoa học và công nghệ cũng bao gồm 06 lĩnh vực, cụ thể là⁷:

- Khoa học tự nhiên.
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ.
- Khoa học y, dược.

⁵ Trần Văn Hải (2015), *Thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng trong các trường đại học tại Australia - Những đề xuất cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý, tập 31, số 2 (2015), tr.24-32.

⁶ OECD (2002), The Field of Science and Technology (FOS) Classification in the Frascati Manual and OECD (2007), Working Party of National Experts on Science and Technology Indicators: Revised field of Science and Technology (FOS) Classification in the Frascati Manual, DSTI/EAS/STP/NESTI (2006)19/FINAL, 26-Feb-2007, <https://www.oecd.org/science/inno/38235147.pdf>.

⁷ Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN về việc ban hành một số bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ.

- Khoa học nông nghiệp.
- Khoa học xã hội; và
- Khoa học nhân văn.

Có thể nhận thấy rằng, hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ là các nghiên cứu khoa học của các trường đại học thuộc các lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ khác nhau cũng sẽ có sự khác biệt đáng kể. Cụ thể, những trường Đại học chủ yếu đào tạo về khoa học xã hội và khoa học nhân văn sẽ không có lợi thế trong việc thương mại hóa các kết quả nghiên cứu so với các trường Đại học tập trung đào tạo các lĩnh vực còn lại.

Thực tế hiện nay cho thấy, mặc dù vai trò quan trọng của tài sản trí tuệ đã được nhìn nhận và quan tâm từ khá lâu, tuy nhiên công tác triển khai cơ chế bảo hộ, quản trị và khai thác tài sản trí tuệ tại các trường đại học vẫn còn nhiều vướng mắc, chưa thể khai thác hết các giá trị do tài sản trí tuệ mang lại. Đặc biệt, các trường đại học vẫn còn đang gặp nhiều khó khăn trong hoạt động thương mại hóa các tài sản trí tuệ do mình nghiên cứu và phát triển. Do vậy, các tài sản trí tuệ không thể phát huy được hết vai trò và ý nghĩa của chúng đối với các trường đại học, đối với vấn đề phát triển kinh tế, xã hội và khoa học công nghệ. Để cải thiện và nâng hiệu quả hoạt động thương mại hóa các tài sản trí tuệ trong trường đại học, yêu cầu đầu tiên là cần thiết phải xác định được các nhân tố tác động đến hoạt động này. Từ đó, các trường đại học mới có thể đưa ra được các giải pháp hữu hiệu, phù hợp để triển khai, thực hiện hoạt động thương mại hóa các tài sản trí tuệ trong nhà trường.

2. Thực trạng thương mại hóa tài sản trí tuệ trong các trường đại học tại Việt Nam hiện nay

Thông qua thực tiễn, có thể nhận thấy, những vướng mắc mà các trường đại học đang gặp phải trong quá trình triển khai thương mại hóa các nghiên cứu khoa học hiện nay chủ yếu bao gồm:

Về khả năng khai thác thương mại của tài sản trí tuệ, có rất nhiều yếu tố quyết định khả năng khai thác thương mại của một nghiên cứu khoa học được phát triển trong các trường đại học. Một trong những yếu tố có thể kể đến đó là kết quả hay sản phẩm của các nghiên cứu khoa học tại trường đại học thông thường trong khuôn khổ phòng thí nghiệm hay mang tính lý thuyết tùy thuộc vào từng lĩnh vực cụ thể. Chính vì vậy, số lượng lớn các nghiên cứu từ trường đại học gặp rất nhiều khó khăn khi triển khai, ứng dụng vào thực tế. Bên cạnh sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ cũng như sự thay đổi thường xuyên của thị trường, các nghiên cứu khoa học được phát triển trong trường đại học thường gặp bất lợi trong việc theo đuổi để bắt kịp nhu cầu thực tế của xã hội cũng như của các doanh nghiệp⁸. Điều này cũng là yếu tố tác động rất lớn đến khả năng khai thác thương mại đối với nghiên cứu khoa học xuất phát từ các trường đại học.

⁸ Phùng Văn Hiền (2017), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 4/2017.

Về cơ chế định giá và hợp tác chuyển giao, đây được xem là rào cản lớn khiến cho hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ chưa thực sự hiệu quả như hiện nay. Vấn đề được đặt ra ở thời điểm này là hoạt động động hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tại các trường đại học chưa được chú trọng phát triển⁹. Điều này cho thấy rằng, ngoài nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu, các trường đại học chưa thực sự chú trọng vào việc liên kết với các doanh nghiệp có nhu cầu để chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Đây cũng là lý do vì sao đã tồn tại những nghiên cứu mặc dù đã được pháp luật bảo hộ, tuy nhiên các nghiên cứu này vẫn chỉ được sử dụng phục vụ cho công tác giảng dạy trong Nhà trường. Trên thực tế, như đã đề cập ở phần trên, phần nhiều các nghiên cứu hiện nay của các trường đại học không được xuất phát từ nhu cầu của thị trường và doanh nghiệp ngay từ thời điểm ban đầu. Hơn nữa, các kết quả sau khi nghiên cứu không được các trường đại học chú trọng trong việc tìm đầu ra để ứng dụng những nghiên cứu này phục vụ cho xã hội. Rõ ràng, những điều này đã phản ánh sự hạn chế trong cơ chế hợp tác chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học của các trường đại học. Đây cũng là yếu tố phá vỡ chuỗi hoạt động để một nghiên cứu được ứng dụng và trở thành sản phẩm, dịch vụ thương mại.

Khi nhắc đến hoạt động hợp tác chuyển giao, cơ chế định giá tài sản trí tuệ là kết quả nghiên cứu trong trường đại học cũng là nội dung cần thiết phải đề cập đến. Có rất nhiều lý do để định giá tài sản trí tuệ, đối với các kết quả nghiên cứu trong trường đại học, việc định giá các nghiên cứu được xác định là tài sản trí tuệ này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong việc hợp tác chuyển giao. Dễ dàng nhận thấy rằng, kể cả khi đã tìm được đầu ra cho một kết quả nghiên cứu, nhưng nếu gặp phải vấn đề khó khăn trong việc định giá tài sản trí tuệ mà không đạt được thống nhất giữa các bên thì hoạt động chuyển giao quyền cũng có thể không được thực hiện. Trường hợp này cũng dẫn đến kết quả chung cuối cùng là kết quả nghiên cứu cũng không thể được thương mại hóa và phục vụ đời sống. Hạn chế trong hoạt động định giá tài sản trí tuệ cũng là một bất cập phản ánh thực trạng thương mại hóa tài sản trí tuệ trong các trường đại học ở thời điểm hiện tại.

Hiểu biết pháp luật và cơ chế hỗ trợ pháp lý liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các nghiên cứu khoa học. Với những lợi thế nhất định, các trường đại học là cái nôi của nhiều đề tài, dự án có giá trị cả về mặt khoa học lẫn khả năng ứng dụng cao. Mặc dù vậy, những vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu lại chưa được bản thân các nhà nghiên cứu và các trường đại học quan tâm đúng mức. Do nhận thức về sở hữu trí tuệ còn chưa cao, chính vì thế, các nhà nghiên cứu trong trường đại học đã dễ xảy ra nhiều trường hợp kết quả nghiên cứu sau khi được công bố thì không còn khả năng bảo hộ vì nhiều lý do khác nhau. Với hiểu biết hạn chế về sở hữu trí tuệ, có nhiều trường hợp, những nhà

⁹ Đinh Văn Toàn (2016), *Hợp tác đại học - doanh nghiệp trên thế giới và một số gợi ý cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, 32(4), 69-80 và Trang, P. T. T., Thúy, B. T., Thủy, N. T. T., & Hùng, H. T. (2019), *Thúc đẩy hoạt động liên kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp - Trường hợp nghiên cứu tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế*, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển, 128(5A), tr.79-91.

ngghiên cứu lại xem trọng việc công bố kết quả nghiên cứu hơn so với việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả. Điều này dẫn đến một thực tế rằng, có những kết quả nghiên cứu hoàn toàn có khả năng được pháp luật bảo hộ và đưa ra thị trường để khai thác thương mại, nhưng bản thân những nhà nghiên cứu chỉ dừng lại ở bước công bố kết quả nghiên cứu của mình mà thiếu quan tâm đến vấn đề sở hữu trí tuệ và đưa sản phẩm, dịch vụ đó phục vụ xã hội. Thực trạng hiện nay còn cho thấy, cơ chế hỗ trợ pháp lý liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các nghiên cứu khoa học trong trường đại học vẫn chưa thực sự hiệu quả. Mặc dù những vấn đề liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là yếu tố quan trọng trong việc thương mại hóa tài sản trí tuệ, qua đó tạo được các nguồn kinh phí bổ sung và nhiều hơn thế nữa là những nguồn lực khác dùng để đầu tư vào những nghiên cứu trong tương lai. Tuy nhiên, hiện nay một số trường đại học vẫn chưa có bộ phận chuyên trách về sở hữu trí tuệ. Bên cạnh đó, nhiều trường đại học cũng không quan tâm hợp tác với các trung tâm để xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Nhận thấy, bản thân một số trường đại học hiện nay vẫn chưa có hoạt động hỗ trợ pháp lý liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu đối với các nghiên cứu khoa học trong đơn vị.

3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thương mại hóa tài sản trí tuệ trong trường đại học và một số giải pháp

Thương mại hóa tài sản trí tuệ là một chuỗi các hoạt động mất nhiều thời gian, song song với đó lại tồn tại các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình này¹⁰. Các nhân tố quan trọng tác động đến thương mại hóa tài sản trí tuệ trong trường đại học có thể được khái quát như sau:

3.1. Môi trường pháp lý

Văn bằng bảo hộ không chỉ giúp cho quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ được bảo hộ một cách hợp pháp mà còn mở ra cơ hội khai thác thương mại đối với những nghiên cứu này. Nếu một kết quả nghiên cứu chưa được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì quá trình thương mại hóa sẽ không an toàn và các nhà nghiên cứu sẽ ít quan tâm đến việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu của họ¹¹. Theo đó, môi trường pháp lý được xem là một động lực chính trong việc triển khai và mở rộng hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ.

Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam được Quốc hội thông qua năm 2005 và đã trải qua hai lần sửa đổi, bổ sung vào năm 2009 và năm 2019. Đây được xem là văn bản pháp luật quan trọng nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến loại tài sản đặc biệt, đó là tài sản trí tuệ. Mặc dù đã có Luật, các nghị định và thông tư hướng dẫn, tuy nhiên, thực tế triển khai việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ nói chung còn gặp khó khăn, đặc biệt là đối với các trường đại học. Nhận thức được những vướng mắc liên quan đến việc xác lập quyền và các vấn đề khác liên

¹⁰ Sabri et al. (2018), *University Intellectual Property Commercialization: A Critical Review of Literature*, The Turkish Online Journal of Design, Art and Communication, pp. 874-886.

¹¹ Ferington, D. (2007), *Intellectual property protection in a combined academic and private enterprise collaborative environment*, IEEE Portland International Conference on Management of Engineering and Technology, pp. 1975-1981.

quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ, cùng với đó là yêu cầu thực hiện có hiệu quả các cam kết sở hữu trí tuệ trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam tham gia gần đây, dự kiến Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành sẽ được sửa đổi, bổ sung trong tương lai gần. Cụ thể, Dự thảo Luật Sở hữu trí tuệ dự kiến sẽ trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp tháng 10/2021. Sau đó, Dự thảo sẽ được trình Quốc hội thông qua và Kỳ họp tháng 5/2022¹². Lần sửa đổi này được kỳ vọng sẽ đánh dấu bước ngoặt quan trọng, tác động đến quan điểm, cách tiếp cận và hướng xử lý đối với cả hệ thống sở hữu trí tuệ. Trong đó, quá trình thực hiện thủ tục đăng ký và xác lập quyền sở hữu trí tuệ sẽ được đơn giản hóa và được tạo thuận lợi hơn so với trước đây¹³. Ví dụ, khoản 38 Điều 1 Dự thảo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ đã sửa đổi, bổ sung Điều 103 Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành về yêu cầu đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp theo hướng đơn giản hóa; khoản 43 Điều 1 Dự thảo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ đã sửa đổi, bổ sung Điều 112a Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp theo hướng quy định cụ thể thời hạn phản đối việc cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý¹⁴. Qua đó, việc đăng ký và xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với tài sản trí tuệ trong trường đại học sẽ giảm bớt khó khăn và đỡ mất thời gian. Điều này sẽ góp phần tạo lợi thế, đóng góp tích cực vào quá trình thương mại hóa tài sản trí tuệ trong trường đại học.

Hiện nay, chính sách, pháp luật liên quan đến chuyển giao công nghệ của nước ta còn tồn tại một số bất cập và chưa đáp ứng được hết những yêu cầu đặt ra. Đây là một trong những lý do dẫn đến quá trình thương mại hóa tài sản trí tuệ trong các trường đại học vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Bởi nếu kết quả nghiên cứu không được chuyển giao thì đồng nghĩa với việc các tài sản trí tuệ này không thể trở thành những sản phẩm, dịch vụ để khai thác trên thị trường. Tuy nhiên, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và một số văn bản khác đã thể hiện được nỗ lực của nước ta trong việc hoàn thiện môi trường pháp lý thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, thương mại hóa và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào đời sống. Bên cạnh đó, liên quan đến việc thực hiện Thông báo số 1672/TB-TTKQH ngày 09/4/2018 của Tổng Thư ký Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo khẩn trương rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đẩy nhanh quá trình thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ; ban hành các chính sách cụ thể để hỗ trợ chuyển giao công nghệ, tăng cường kết nối giữa viện

¹² Bộ Khoa học và Công nghệ (2020), “*Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi: Tập trung vào 7 nhóm chính sách lớn*”, <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/18287/luat-so-huu-tri-tue-sua-doi--tap-trung-vao-7-nhom-chinh-sach-lon-.aspx>.

¹³ Cục Sở hữu trí tuệ (2020), “*Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi: Tập trung vào 7 nhóm chính sách lớn*”, http://noip.gov.vn/vi_VN/web/guest/tin-tuc-su-kien/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/luat-so-huu-tri-tue-sua-oi-tap-trung-vao-7-nhom-chinh-sach-lon.

¹⁴ Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, <https://www.most.gov.vn/vn/Pages/chitietduthao.aspx?iDuThao=822>.

ngiên cứu, trường đại học với các doanh nghiệp¹⁵. Nhìn chung, ở thời điểm hiện tại, hoạt động chuyển giao công nghệ đã được quan tâm, nhìn nhận và có những định hướng đúng đắn với nền tảng cơ bản đầu tiên đó là hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến vấn đề này. Trong tương lai, nếu những bất cập trong quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ được giải quyết, tháo gỡ, thì đây sẽ trở thành một trong những động lực mạnh mẽ thúc đẩy quá trình thương mại hóa tài sản trí tuệ trong trường đại học đạt được hiệu quả.

3.2. Chính sách hỗ trợ

Đối với các trường đại học, việc đảm bảo cả công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ đối với các kết quả nghiên cứu thường sẽ gặp nhiều khó khăn. Nhận thấy, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước từ bước định hướng cho hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo cho đến khi kết quả nghiên cứu được chuyển giao và ứng dụng, khai thác trên thị trường có ý nghĩa rất quan trọng.

Trước tình hình chung, nghiên cứu khoa học phần lớn là do các nhà nghiên cứu lên ý tưởng. Thực chất, nghiên cứu sau khi có kết quả có thể gặp rất nhiều vấn đề về khả năng ứng dụng vào thực tế cũng như khả năng khai thác thương mại. Những vấn đề có thể gặp phải trong trường hợp này bao gồm kết quả nghiên cứu đã lỗi thời, không phù hợp với xu hướng phát triển, không đáp ứng được nhu cầu thị trường, không có khả năng ứng dụng vào sản xuất, khai thác thương mại... Nguyên nhân của những rủi ro này phần lớn xuất phát từ bản thân các nhà nghiên cứu trong việc hình thành ý tưởng khoa học. Tuy nhiên, có thể xem xét giải quyết những vấn đề này bằng cách Nhà nước đưa ra chủ trương thành lập các tổ chức hoặc bộ phận phân tích thông tin và dự báo xu hướng phát triển công nghiệp để định hướng cho hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là cho các trường đại học, viện nghiên cứu. Gần đây nhất, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch thực hiện “Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030” (Giai đoạn 2020 - 2025). Trong đó, Kế hoạch đã đặt ra nhiệm vụ xây dựng bộ công cụ (phần mềm) phân tích thông tin sáng chế phục vụ định hướng cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp; vận hành, phổ biến, hướng dẫn sử dụng và khai thác bộ công cụ.

Để hỗ trợ cho hoạt động đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, mạng lưới trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ trong các viện nghiên cứu, trường đại học được xem là yếu tố đóng vai trò hết sức quan trọng. Trong tương lai, cần thiết phải đưa ra các phương án, qua đó Bộ Khoa học và Công nghệ cần thiết tập trung thúc đẩy phát triển mạng lưới này giúp cho bản thân các viện nghiên cứu, trường đại học cải thiện năng

¹⁵ Bộ Khoa học và Công nghệ (2019), “Hành lang pháp lý về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng được hoàn thiện”, <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/16533/hanh-lang-phap-ly-ve-khoa-hoc--cong-nghe-va-doi-moi-sang-tao-ngay-cang-duoc-hoan-thien.aspx>.

lực trong việc đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ nhằm thúc đẩy việc tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ.

Ngoài ra, để hỗ trợ cho các trường đại học khai thác tối đa được tiềm năng thương mại của các tài sản trí tuệ thì vấn đề nhân lực cũng là một yếu tố cần được quan tâm. Về nội dung này, Kế hoạch thực hiện “Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030” (Giai đoạn 2020 - 2025) của Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã đưa ra nội dung tăng cường đào tạo quản trị viên tài sản trí tuệ cho các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp ở Việt Nam. Với việc thực hiện nhiệm vụ này, các trường đại học sẽ được tăng cường đội ngũ quản trị viên tài sản trí tuệ, hỗ trợ đắc lực cho quá trình thương mại hóa tài sản trí tuệ đạt hiệu quả.

Như đã phân tích ở phần trước, hiểu biết về sở hữu trí tuệ của mỗi cá nhân cũng tác động rất lớn đến quá trình thương mại hóa tài sản trí tuệ trong trường đại học. Vì lý do này, cần thiết phải quan tâm hơn nữa trong việc tăng cường truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ và khuyến khích đổi mới sáng tạo, đặc biệt là trong các trường đại học và viện nghiên cứu.

3.3. Quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong trường đại học

Dưới góc nhìn toàn cảnh, mặc dù hoạt động quản trị tài sản trí tuệ trong các trường đại học tại Việt Nam vẫn chưa thực sự tương xứng với năng lực nghiên cứu thực tế. Tuy nhiên, vẫn có một số trường đại học đã trở thành điểm sáng trong quản trị tài sản trí tuệ và bước đầu đạt được những thành công nhất định. Có thể kể đến ở đây một số trường như: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh¹⁶... Để đạt được hiệu quả trong hoạt động quản trị tài sản trí tuệ, bản thân mỗi trường đại học cần thiết phải xây dựng cho mình quy chế quản trị tài sản trí tuệ phù hợp với đặc thù của từng trường. Việc xây dựng tốt quy chế quản trị tài sản trí tuệ sẽ là nền tảng cơ bản để một nghiên cứu khoa học có thể được thương mại hóa, trở thành sản phẩm/dịch vụ trên thị trường và mang đến lợi ích kinh tế cho cả trường đại học và nhà nghiên cứu. Do đó, các trường đại học cần định hướng xây dựng cho mình quy chế quản trị tài sản trí tuệ phù hợp, song song với đó cần tham khảo mô hình quản trị tài sản trí tuệ của các trường đại học trong nước và quốc tế. Để triển khai thực hiện các quy chế quản trị tài sản trí tuệ và thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ, tùy vào tình hình thực tế mà các trường đại học cần nhắc việc thành lập tổ chức có chức năng liên quan đến sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ hoặc chỉ cần thành lập bộ phận hoặc có cán bộ chuyên trách về sở hữu trí tuệ.

¹⁶ Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia - Bộ Khoa học và Công nghệ (2019), *Hội thảo “Quản trị tài sản trí tuệ và thương mại hóa công nghệ dành cho các viện/trường thành viên trong khuôn khổ dự án EIE”*, <https://www.vista.gov.vn/news/khoa-hoc-ky-thuat-va-cong-nghe/hoi-thao-quan-tri-tai-san-tri-tue-va-thuong-mai-hoa-cong-nghe-danh-cho-cac-vien-truong-thanh-vien-trong-khuon-kho-du-an-eie-814.html>.

3.4. Vấn đề phân chia lợi ích do các tài sản trí tuệ mang lại

Có thể thấy, yếu tố kinh tế có ảnh hưởng lớn đến hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ. Yếu tố này tác động đến tất cả các bên có liên quan đến hoạt động chuyển giao tài sản trí tuệ trong trường đại học. Nếu như trước đây, mục tiêu nghiên cứu khoa học của các nhà nghiên cứu chủ yếu là đóng góp cho khoa học, thì hiện nay các nhà nghiên cứu đang dần quan tâm đến mục tiêu khác đó là giá trị kinh tế mà kết quả nghiên cứu mang lại. Thậm chí, có một số trường hợp, xuất phát từ sự hạn chế trong quản lý tài sản trí tuệ của trường đại học, nhà nghiên cứu đã tự đi đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ và khai thác thương mại đối với tài sản trí tuệ đáng lẽ ra thuộc về Nhà trường. Còn đối với các trường đại học, ở thời điểm hiện tại, lợi ích từ việc khai thác tài sản trí tuệ không phải là nguồn tài chính chủ yếu. Tuy nhiên, nếu hoạt động quản lý và khai thác thương mại tài sản trí tuệ được thực hiện hiệu quả, thì sẽ mang lại lợi nhuận và nguồn tài chính đáng kể cho các trường đại học. Điều này hoàn toàn phù hợp với xu hướng chung của các trường đại học lớn trên thế giới. Như vậy, rõ ràng hoạt động chuyển giao công nghệ trong trường đại học tác động trực tiếp đến mối quan hệ về lợi ích kinh tế giữa các nhà nghiên cứu và trường đại học. Trong trường hợp trường đại học không xây dựng được cơ chế phù hợp đảm bảo cân bằng lợi ích giữa nhà nghiên cứu và trường đại học thì sẽ gây tác động tiêu cực đến cả hoạt động nghiên cứu khoa học lẫn chuyển giao công nghệ. Vì vậy, việc xây dựng cơ chế phân chia lợi ích do tài sản trí tuệ mang lại phù hợp sẽ giúp thúc đẩy thực hiện hiệu quả hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ trong trường đại học. Đây cũng là yếu tố mà các trường đại học cần thận trọng cân nhắc khi xây dựng quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong Nhà trường.

3.5. Mối quan hệ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp

Trên thực tế, bản thân các nhà nghiên cứu và các trường đại học sẽ khó khăn trong việc tìm kiếm các đề tài nghiên cứu phù hợp với nhu cầu của xã hội và có khả năng thương mại hóa cao. Chính vì vậy, để nâng cao khả năng khai thác thương mại các kết quả nghiên cứu, các trường đại học cần thiết phải hợp tác và lắng nghe nhu cầu của các doanh nghiệp để có định hướng phù hợp trong việc phát triển các nghiên cứu khoa học. Ngược lại, các doanh nghiệp nếu không đủ tiềm lực thì rất khó có thể tự nghiên cứu và phát triển để sáng tạo ra các giá trị mới phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Dựa trên mối liên kết mật thiết về mặt lợi ích, các trường đại học và doanh nghiệp cần chủ động xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ kể từ khi bắt đầu lựa chọn đề tài nghiên cứu, trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu, cho đến khi kết quả nghiên cứu được chuyển giao và đưa vào khai thác thương mại. Các doanh nghiệp có thể chủ động “đặt hàng” để các trường đại học thực hiện nghiên cứu, phát triển khoa học - công nghệ theo nhu cầu và mục tiêu được đặt ra. Nhờ đó, nghiên cứu từ các trường đại học sẽ mang tính ứng dụng cao, kiểm soát được “đầu ra” và đảm bảo lợi ích mà kết quả nghiên cứu

mang lại. Như vậy, phát triển mối quan hệ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp sẽ là một trong những giải pháp hiệu quả để cải thiện tình hình khai thác thương mại kết quả nghiên cứu của các trường đại học trong thời gian tới.

3.6. Cơ chế định giá

Mặc dù hoạt động định giá tài sản trí tuệ ở Việt Nam đã diễn ra từ khá lâu, song cho đến nay việc định giá tài sản trí tuệ vẫn gây ra rất nhiều khó khăn. Đối với các trường đại học, bởi vai trò của hoạt động định giá đối với việc hợp tác chuyển giao có ý nghĩa rất quan trọng; chính vì thế, nhu cầu tìm ra giải pháp đối với vấn đề này cũng trở nên hết sức cần thiết. Đầu tiên, để việc định giá tài sản trí tuệ được thực hiện hiệu quả, điều này đặt ra nhu cầu pháp luật cần có các quy định cụ thể, thống nhất về định giá loại tài sản này. Bên cạnh đó, bản thân các trường đại học cần nâng cao nhận thức về vai trò của việc định giá tài sản trí tuệ đối với sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học trong Nhà trường nói riêng và sự phát triển của Nhà trường nói chung. Qua đó, Nhà trường cần nhắc xây dựng bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực nhằm thực hiện quản trị tài sản trí tuệ trong Nhà trường và đặc biệt là về kiến thức liên quan đến định giá tài sản trí tuệ.

4. Kết luận

Trong nhiều năm qua, các trường đại học đã thể hiện được năng lực nghiên cứu và đóng góp rất nhiều cho sự phát triển khoa học và công nghệ của nước ta. Mặc dù vậy, các kết quả nghiên cứu trong các trường đại học vẫn chưa được ứng dụng và khai thác hiệu quả trên thực tế. Điều này thể hiện sự hạn chế trong hoạt động quản trị và khai thác tài sản trí tuệ của các trường đại học hiện nay. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động này bao gồm môi trường pháp lý, các chính sách hỗ trợ, quy chế quản trị tài sản của bản thân trường đại học, vấn đề phân chia lợi ích hay mối quan hệ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp... Việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ sẽ giúp Nhà nước, trường đại học, doanh nghiệp và cả các nhà nghiên cứu có thể đưa ra những giải pháp hiệu quả và phù hợp để khắc phục những hạn chế của hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ trong các trường đại học hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo Hoạt động khoa học và công nghệ năm học 2019 - 2020, Trường Đại học Thủ Dầu Một.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ (2008), Quyết định về việc ban hành một số bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ, Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2008.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ (2019), “*Hành lang pháp lý về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng được hoàn thiện*”, <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/16533/hanh-lang-phap-ly-ve-khoa-hoc--cong-nghe-va-doi-moi-sang-tao-ngay-cang-duoc-hoan-thien.aspx>.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ (2020), “*Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi: Tập trung vào 7 nhóm chính sách lớn*”, <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/18287/luat-so-huu-tri-tue-sua-doi-tap-trung-vao-7-nhom-chinh-sach-lon.aspx>.
5. Công ước Stockholm về việc thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới.
6. Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc Gia - Bộ Khoa học và Công nghệ (2019), *Hội thảo “Quản trị tài sản trí tuệ và thương mại hóa công nghệ dành cho các viên/trưởng thành viên trong khuôn khổ dự án EIE”*, <https://www.vista.gov.vn/news/khoa-hoc-ky-thuat-va-cong-nghe/hoi-thao-quan-tri-tai-san-tri-tue-va-thuong-mai-hoa-cong-nghe-danh-cho-cac-vien-truong-thanh-vien-trong-khuon-kho-du-an-eie-814.html>.
7. Đinh Văn Toàn (2016), *Hợp tác đại học - doanh nghiệp trên thế giới và một số gợi ý cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, 32(4), tr.69-80.
8. Ferington, D. (2007), *Intellectual property protection in a combined academic and private enterprise collaborative environment*, IEEE Portland International Conference on Management of Engineering and Technology.
9. OECD (2002), The Field of Science and Technology (FOS) Classification in the Frascati Manual and OECD (2007), Working Party of National Experts on Science and Technology Indicators: Revised field of Science and Technology (FOS) Classification in the Frascati Manual, DSTI/EAS/STP/NESTI(2006)19/FINAL, 26-Feb-2007, <https://www.oecd.org/science/inno/38235147.pdf>.
10. Phùng Văn Hiền (2017), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học*, Tạp chí Lý luận chính trị số 4/2017.
11. Quốc hội (2005), Luật Sở hữu trí tuệ, Luật số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
- Quốc hội (2009), Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009.
12. Quốc hội (2013), Luật Khoa học và Công nghệ, Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013.
13. Sabri et al. (2018), *University Intellectual Property Commercialization: A Critical Review of Literature*, The Turkish Online Journal of Design, Art and Communication.
14. Trần Văn Hải (2015), *Thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng trong các trường Đại học tại Australia - Những đề xuất cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý, tập 31, số 2 (2015), tr.24-32.
15. Trang, P. T. T., Thúy, B. T., Thùy, N. T. T., & Hùng, H. T. (2019), *Thúc đẩy hoạt động liên kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp - Trường hợp nghiên cứu tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế*, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển, 128(5A), tr.79-91.
16. WIPO (2006), *Basic issues in technology commercialisation: From concept to market*, http://www.wipo.int/uipc/en/documents/pdf/okongwus_ippto_1.pdf.